

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-3-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Thu Hà**.

2. Ông **Đinh Minh Phương**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021, về tranh chấp “*ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị Bích T** – sinh năm: 1983 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 24/02/2022).

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Chế L** – sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phan Thị Bích T có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2021 chị Phan Thị Bích T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Chế L do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Quới Thiện, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 25/11/2003.

Sau ngày cưới vợ chồng chị sống chung gia đình cha mẹ ruột của chị được 01 đến năm 2004 vợ chồng chị ra sống riêng tự lập. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 17 năm đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vào năm 2020 anh L đi làm thuê ở Long An, rồi anh L ở Long An luôn không biết lý do gì mà anh L không về với vợ con, anh L không quan tâm chăm sóc gia đình, chị có điện thoại liên lạc với anh

L để yêu cầu anh L về gia đình nhưng anh L không đồng ý về nhà, chị thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh L đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chế L.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Thúy M, sinh ngày 22/7/2004, Nguyễn M V, sinh ngày 16/7/2006 và cháu Nguyễn Thị Thúy Q, sinh ngày 03/3/2011. Hiện nay cháu M, cháu V và cháu Q đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu cháu M, cháu V và cháu Q, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Phan Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Chị Phan Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn xin xác nhận của Công An xã Quới An ngày 29/11/2021 do chị T cung cấp thì nhân khẩu Nguyễn Chế L, sinh năm: 1981, có đăng ký thường trú tại ấp Vàm An, xã Quới An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Bị đơn anh Nguyễn Chế L đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh L không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án. Xét việc vắng mặt của anh L không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 29/11/2021; Đơn xác nhận; Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn; Bảng khai ý kiến; Giấy khai sinh bản sao; Dịch vụ chuyển phát nhanh.

Bị đơn vắng nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phan Thị Bích T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và bị đơn anh Nguyễn Chế L, anh L có nơi cư trú tại ấp Vàm An, xã Quới An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35,

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn chị Phan Thị Bích T có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị T. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Chế L vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh L cũng không đến. Nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh L.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Quới Thiện, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 25/11/2003 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị T trình bày thì thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 17 năm đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L không quan tâm chăm sóc vợ con, anh L tự ý bỏ nhà đi không về với vợ con, chị T có yêu cầu anh L về gia đình với vợ con nhưng anh L không đồng ý, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị T và anh L không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu ly hôn với anh L, anh L vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Thúy M, sinh ngày 22/7/2004, Nguyễn M V, sinh ngày 16/7/2006 và cháu Nguyễn Thị Thúy Q, sinh ngày 03/3/2011. Hiện nay cháu M, cháu V và cháu Q đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M, cháu V và cháu Q, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tại các bảng khai ý kiến cùng ngày 27/12/2021 thì nguyện vọng của cháu M, cháu V và cháu Q đều có nguyện vọng sống với chị T. Anh L vắng mặt nên giao cháu Nguyễn Thị Thúy M, cháu Nguyễn M V và cháu Nguyễn Thị Thúy Q cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng cho cháu M, cháu V và cháu Q.

Về tài sản chung: Chị Phan Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Chế L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Phan Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Chế L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Bích T phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Bích T.

Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Chế L.

Về con chung: Chị Phan Thị Bích T và anh Nguyễn Chế L có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Thúy M, sinh ngày 22/7/2004, Nguyễn M V, sinh ngày 16/7/2006 và cháu Nguyễn Thị Thúy Q, sinh ngày 03/3/2011. Giao cháu Nguyễn Thị Thúy M, cháu Nguyễn M V và cháu Nguyễn Thị Thúy Q cho chị Phan Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Chế L không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Phan Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Chế L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Phan Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Chế L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Bích T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Phan Thị Bích T đã nộp theo biên lai thu số N⁰0007850, ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Phan Thị Bích T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Quới Thiện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh